TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết X đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết X hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tạ Tiến D , sinh ngày 16/9/1988,
Số căn cước công dân: 025088007792.
ĐKHKTT: tổ 21, khu 3, phường V, thành phố v, tỉnh P.
Bị đơn: Chị Võ Thị Cẩm V, sinh ngày 19/8/1986,
Số căn cước công dân: 025186008135.
ĐKHKTT: tổ 21, khu 3, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
(Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt; chị V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Tạ Tiến D trình bày: Chị và chị Võ Thị Cẩm V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V), thành phố Việt Trì, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó chị V đi Đài Loan đến nay vẫn chưa về, từ đó giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn

không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên anh D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Võ Thị Cẩm V.

Về con chung: anh Tạ Tiến D xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Tạ Trung H, sinh ngày 29/7/2010 và cháu Tạ Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2025, hiện nay các con chung đều đang sống cùng với anh D. Sau khi ly hôn anh D đề nghị Tòa án giao cháu H và cháu Đ cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh.

Về tài sản chung: vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung của vợ chồng: Anh Tạ Tiến D xác X không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh D tự nguyện xin chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn chị Võ Thị Cẩm V hiện nay đang ở nước ngoài được thể hiện tại văn bản số 296/QLXNC-Đ1 ngày 27/3/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận chị V đã xuất cảnh và hiện chưa nhập cảnh về Việt Nam. Do anh D không biết địa chỉ của chị V ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã báo bà Nguyễn Thị X (mẹ đẻ chị V) và được bà X cung cấp thông tin như sau: bà là mẹ đẻ của chị V, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị V gia đình đã nhận được, gia đình có thông báo cho chị V biết thông qua điện thoại và yêu cầu chị V cung cấp địa chỉ của chị ở nước ngoài nhưng chị V không cung cấp và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh D theo quy X của pháp luật.

Về con chung: chị V và anh D có hai con chung là cháu Tạ Trung H, sinh ngày 29/7/2010 và cháu Tạ Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2025, hiện nay cháu H và cháu Đ đang sống cùng với anh D. Anh D có nguyện vọng được nuôi con khi ly hôn, bà X có thông báo cho chị V được biết và chị V cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy X của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy X trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Tiến D. Anh Tạ Tiến D được ly hôn với chị Võ Thị Cẩm V;

- Về con chung: Giao cháu Tạ Trung H, sinh ngày 29/7/2010 và cháu Tạ Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2025 cho anh Tạ Tiến D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu. Chị V vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy X của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Tạ Tiến D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN X CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận X:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Tạ Tiến D nộp đơn xin ly hôn chị Võ Thị Cẩm V tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, anh D trình bày hiện chị V đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 296/QLXNC-Đ1 ngày 27/3/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận chị V đã xuất cảnh và hiện chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này chị V không có mặt ở Việt Nam, anh D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy X tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy X của pháp luật.

Anh D đề nghị xin ly hôn với chị V và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị V tại Việt Nam là tổ 21, khu 3, phường V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị V ở nước ngoài cho Tòa án được. Tòa án đã làm việc thông qua thân nhân của chị V là bà Nguyễn Thị X (mẹ đẻ chị V) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chị V biết, yêu cầu chị V cung cấp địa chỉ hiện nay nhưng chị V không cung cấp nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị V ở đâu tại nước ngoài. Như vậy, chị V đã cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy X của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh Tạ Tiến D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Còn chị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị V.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Tiến D và chị Võ Thị Cẩm V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V), thành phố Việt Trì, tỉnh P vào ngày 14/10/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh D và chị V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng anh D và chị V đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không Đ được nên việc anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của anh D được chấp nhận.

- Về con chung: anh D và chị V có hai con chung là cháu Tạ Trung H, sinh ngày 29/7/2010 và cháu Tạ Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2025, hiện nay cháu H và cháu Đ đang ở với anh D. Sau khi ly hôn anh D đề nghị Tòa án giao cháu H và cháu Đ cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không yêu cầu chị V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy hiện nay anh D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu Đ và có đầy đủ điều kiện nuôi con. Tại đơn trình bày nguyện vọng cả cháu H và cháu Đ đều thể hiện mong muốn được ở cùng bố sau khi bố mẹ ly hôn. Mặt khác, chị V đang ở nước ngoài nên không có thời gian cũng như điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu Đ. Do vậy, cần giao con chung là cháu H và cháu Đ cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh D tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: anh D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy X của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT X:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy X về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Tiến D được ly hôn với chị Võ Thị Cẩm V.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho anh Tạ Tiến D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Tạ Trung H, sinh ngày 29/7/2010 và cháu Tạ Quốc Đ, sinh ngày 09/3/2025. Chị Võ Thị Cẩm V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D không yêu cầu.

Chị Võ Thị Cẩm V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Tạ Tiến D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Tạ Tiến D (do anh Đinh Tiến Mạnh nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, kệ phí Tòa số 0000604 ngày 14/4/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Anh Tạ Tiến D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị V là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy X tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy X tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy X tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hà Giang